ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 504 /QĐ-UBND	*Bình Phước, ngày 16 tháng 3 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt danh sách, kinh phí hỗ trợ người cách ly y tế tập trung (F1) trên địa bàn huyện Bù Đăng (đợt 29)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Công văn số 2880/UBND-KGVX ngày 27 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ủy quyền ban hành quyết định hỗ trợ người lao động, người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Theo đề nghị của UBND huyện Bù Đăng tại Tờ trình số 46/TTr-UBND ngày 04 tháng 03 năm 2022 và ý kiến của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 409/TTr-SLĐTBXH ngày 15 tháng 3 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách, kinh phí hỗ trợ người cách ly y tế tập trung (F1) trên địa bàn huyện Bù Đăng (đợt 29), có danh sách kèm theo, cụ thể như sau:

- Tổng số người được hỗ trợ: 212 người. Trong đó:

+ F1 đã hoàn thành cách ly tập trung: 173 người;

+ Trẻ em là F1 đã đã hoàn thành cách ly tập trung: 38 người. Trong đó, chỉ xem xét hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng đối với 30 trẻ, số còn lại đã được hỗ trợ khi là F0.

+ Người cao tuổi là F1 đã hoàn thành cách ly tập trung: 01 người. Trong đó, đã được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng khi là F0.

- Tổng kinh phí hỗ trợ: 240.240.000 đồng.

Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi triệu hai trăm bốn mươi ngàn đồng.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động – Thương binh và Xã hội, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Bù Đăng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Bộ LĐ-TB&XH;
- UBMTTQVN tỉnh;
- CT, Các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP tỉnh, các Phòng;
- Lưu VT, KGVX.

TUQ. CHỦ TỊCH
GIÁM ĐỐC
SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Huỳnh Thị Thùy Trang

DANH SÁCH F1, TRẺ EM, NGƯỜI CAO TUỔI ĐÃ KẾT THÚC ĐIỀU TRỊ COVID-19 ĐƯỢC HỖ TRỢ KINH PHÍ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN BÙ ĐĂNG (ĐỢT 29)

(Kèm theo Quyết định số 504 /QĐ-UBND ngày 16 /3/2022 của UBND tỉnh)

STT	Họ tên	Ngày, tháng, năm sinh		Địa chỉ	Ngày bắt đầu điều trị, cách ly	Ngày kết thúc điều trị, cách ly *(Hết ngày)*	Số ngày kết thúc điều trị, cách ly	Số tiền *(Đồng)*			Ghi chú
		Nam	Nữ					Tiền ăn	Hỗ trợ thêm *(Đối với trẻ em)*	Tổng tiền	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
I	**DANH SÁCH F1: 173 NGƯỜI**						**2.225**	**178.000.000**	**0**	**178.000.000**	
A	**TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ BÌNH MINH 107 NGƯỜI**						**1.175**	**94.000.000**	**0**	**94.000.000**	
1	Trần Văn Huấn	1973		Thôn Thống Nhất- Đak Nhau - Bù Đăng	12/11/2021	24/11/2021	13	1.040.000		1.040.000	
2	Đoàn Thị Mai		1980	Thôn Thống Nhất- Đak Nhau - Bù Đăng	12/11/2021	24/11/2021	13	1.040.000		1.040.000	
3	Trần Văn Thuận	2004		Thôn Thống Nhất- Đak Nhau - Bù Đăng	12/11/2021	24/11/2021	13	1.040.000		1.040.000	
4	Trương Văn Dụng	1986		Thôn Thống Nhất- Đak Nhau - Bù Đăng	12/11/2021	24/11/2021	13	1.040.000		1.040.000	
5	Nguyễn Mộng Thùy Trang		1985	Thôn Thống Nhất- Đak Nhau - Bù Đăng	12/11/2021	23/11/2021	12	960.000		960.000	
6	Nguyễn Thùy Linh		15/9/ 2005	Thôn Thống Nhất- Đak Nhau - Bù Đăng	12/11/2021	23/11/2021	12	960.000		960.000	

7	Võ Thị Thiện		1974	Thôn Thống Nhất- Đak Nhau - Bù Đăng	12/11/2021	23/11/2021	12	960.000		960.000	
8	Nguyễn Thị Kim Chung		1968	Thôn Thống Nhất- Đak Nhau - Bù Đăng	12/11/2021	25/11/2021	14	1.120.000		1.120.000	
9	Trần Thị Xoan		1994	Thôn 1 - Đường 10 - Bù Đăng	12/11/2021	24/11/2021	13	1.040.000		1.040.000	
10	Nguyễn Thị Ngọc Vân		1976	Thôn Thống Nhất- Đak Nhau- Bù Đăng	12/11/2021	24/11/2021	13	1.040.000		1.040.000	
11	Nguyễn Thị Ánh		1987	Thôn Thống Nhất- Đak Nhau - Bù Đăng	12/11/2021	24/11/2021	13	1.040.000		1.040.000	
12	Trần Ngọc Đan Hy	1987		Thôn Thống Nhất- Đak Nhau - Bù Đăng	12/11/2021	23/11/2021	12	960.000		960.000	
13	Nguyễn Văn Khánh	1982		Thôn Thống Nhất- Đak Nhau- Bù Đăng	12/11/2021	25/11/2021	14	1.120.000		1.120.000	
14	Trần Văn Đình	1980		Thôn Thống Nhất- Đak Nhau - Bù Đăng	12/11/2021	25/11/2021	14	1.120.000		1.120.000	
15	Vũ Thị Ngọc Lan	2003		Thôn Thống Nhất- Đak Nhau - Bù Đăng	12/11/2021	21/11/2021	10	800.000		800.000	
16	Vũ Thị Mỹ Duyên	2003		Thôn 5 - Đường 10 -Bù Đăng	12/11/2021	21/11/2021	10	800.000		800.000	
17	Trịnh Thảo Phương Chi	1997		Thôn Thống Nhất- Đak Nhau - Bù Đăng	12/11/2021	23/11/2021	12	960.000		960.000	
18	Nguyễn Thị Nguyệt		1987	Thôn Thống Nhất- Đak Nhau - Bù Đăng	12/11/2021	23/11/2021	12	960.000		960.000	
19	Ninh Thị Diễm		1995	Thôn 5 - Đường 10 -Bù Đăng	12/11/2021	23/11/2021	12	960.000		960.000	
20	Trương Thị Hằng		1984	Thôn Thống Nhất- Đak Nhau - Bù Đăng	12/11/2021	23/11/2021	12	960.000		960.000	
21	Phạm Văn Hiếu	1978		Đak La- Đak Nhau - Bù Đăng	12/11/2021	25/11/2021	14	1.120.000		1.120.000	
22	Nguyễn Văn Giang	1981		Đak La- Đak Nhau - Bù Đăng	12/11/2021	25/11/2021	14	1.120.000		1.120.000	

23	Phạm Văn Thụy	1978		Đak Liên - Đak Nhau - Bù Đăng	12/11/2021	21/11/2021	10	800.000		800.000	
24	Nguyễn Đình Nguyên	1985		Đak La- Đak Nhau - Bù Đăng	12/11/2021	25/11/2021	14	1.120.000		1.120.000	
25	Trần Văn Cương	1980		Đak La- Đak Nhau - Bù Đăng	12/11/2021	25/11/2021	14	1.120.000		1.120.000	
26	Nguyễn Thị Hồng Ngọc		2000	Thôn 5- Bom Bo - Bù Đăng	12/11/2021	22/11/2021	11	880.000		880.000	
27	Đàm Thị Gấm		2003	Thôn Thống Nhất- Đak Nhau - Bù Đăng	12/11/2021	22/11/2021	11	880.000		880.000	
28	Bùi Thị Hương		1991	Đak La- Đak Nhau - Bù Đăng	12/11/2021	21/11/2021	10	800.000		800.000	
29	Nguyễn Thị Thùy Linh		1986	Thôn Thống Nhất- Đak Nhau - Bù Đăng	12/11/2021	21/11/2021	10	800.000		800.000	
30	Đặng Thị Cẩm Tiên		2000	Thôn Thống Nhất- Đak Nhau - Bù Đăng	12/11/2021	21/11/2021	10	800.000		800.000	
31	Triệu Mùi Coi		1995	Thôn Thống Nhất- Đak Nhau - Bù Đăng	12/11/2021	21/11/2021	10	800.000		800.000	
32	Hoàng Văn Chung	1975		Thôn 5 - Đường 10 -Bù Đăng	12/11/2021	26/11/2021	15	1.200.000		1.200.000	1. Gia hạn do tiếp xúc F0 trong khu cách ly; 2. đã hưởng F0 đợt 24
33	Điểu Thị Phyông		1966	Đăng Lang- Đak Nhau - Bù Đăng	12/11/2021	13/11/2021	2	160.000		160.000	từ ngày 14/11-25/11/2021 chuyển về nhà cách ly theo QĐ 4168/QĐ-BCĐ ngày 12/11/2021
34	Dương Văn Thành	1986		Đak Xuyên - Đak Nhau - Bù Đăng	12/11/2021	25/11/2021	14	1.120.000		1.120.000	
35	Bùi Ngọc Minh	1992		Đak Nung - Đak Nhau - Bù Đăng	12/11/2021	24/11/2021	13	1.040.000		1.040.000	
36	Nguyễn Ngọc Lâm	1989		Đak Nung - Đak Nhau - Bù Đăng	12/11/2021	25/11/2021	14	1.120.000		1.120.000	

37	Nguyễn Văn Thành	1996		Thôn Bù Ghe - Đak Nhau - Bù Đăng	12/11/2021	25/11/2021	14	1.120.000		1.120.000	
38	Chu Thị Lợi		1954	Thôn Thống Nhất- Đak Nhau - Bù Đăng	12/11/2021	25/11/2021	14	1.120.000		1.120.000	
39	Thị Nguyên		2004	Thôn Sơn Thọ - Thọ Sơn - Bù Đăng	13/11/2021	20/11/2021	8	640.000		640.000	
40	Lê Quang Trường	2001		Thôn 1 - Nghĩa Trung - Bù Đăng	13/11/2021	23/11/2021	11	880.000		880.000	
41	Nguyễn Thanh Trung	1960		Thôn 2 - Đức Liễu - Bù Đăng	13/11/2021	24/11/2021	12	960.000		960.000	
42	Phạm Đức Phong	1982		Thôn 2 - Đức Liễu - Bù Đăng	13/11/2021	20/11/2021	8	640.000		640.000	
43	Hàn Văn Hồng	1973		Thôn 9 - Đức Liễu - Bù Đăng	13/11/2021	24/11/2021	12	960.000		960.000	
44	Lê Văn Tuyến	1982		Thôn 2 - Đức Liễu - Bù Đăng	13/11/2021	22/11/2021	10	800.000		800.000	
45	Nguyễn Hữu Sơn	1979		Thôn 4 - Bình Minh - Bù Đăng	13/11/2021	21/11/2021	9	720.000		720.000	
46	Điểu Nghĩa	2003		Thôn 4 - Bình Minh - Bù Đăng	13/11/2021	19/11/2021	7	560.000		560.000	
47	Thị Tuyết		2004	Đak La -Đak Nhau - Bù Đăng	13/11/2021	01/12/2021	19	1.520.000		1.520.000	gia hạn do ở cùng phòng F0 trong khu cách ly
48	Thị Minh		1995	Đak La -Đak Nhau - Bù Đăng	13/11/2021	16/11/2021	4	320.000		320.000	đã hưởng F0 đợt 21
49	Thị Ngơ		1998	Đak La -Đak Nhau - Bù Đăng	13/11/2021	01/12/2021	19	1.520.000		1.520.000	gia hạn do ở cùng phòng F0 trong khu cách ly
50	Thị Gal		1967	Đak La -Đak Nhau - Bù Đăng	13/11/2021	14/11/2021	2	160.000		160.000	Đã hỗ trợ F0 đợt 21
51	Thị Vếch		1960	Đak La -Đak Nhau - Bù Đăng	13/11/2021	29/11/2021	17	1.360.000		1.360.000	1. gia hạn do ở cùng phòng F0 trong khu cách ly 2. đã hưởng F0 đợt 26

52	Thị Thâm		1999	Đak La -Đak Nhau - Bù Đăng	13/11/2021	03/12/2021	21	1.680.000		1.680.000	gia hạn do ở cùng phòng F0 trong khu cách ly
53	Điểu Kuôn	4/2005		Đak La -Đak Nhau - Bù Đăng	13/11/2021	01/12/2021	19	1.520.000		1.520.000	gia hạn do ở cùng phòng F0 trong khu cách ly
54	Đinh Hoàng Anh	1992		Đăng Lang -Đak Nhau - Bù Đăng	13/11/2021	25/11/2021	13	1.040.000		1.040.000	Đã hỗ trợ F0 đợt 23
55	Điểu Nhân	1985		Đak La -Đak Nhau - Bù Đăng	13/11/2021	23/11/2021	11	880.000		880.000	
56	Châu Hoài Ngọc	2000		Thôn 5- Nghĩa Trung - Bù Đăng	13/11/2021	26/11/2021	14	1.120.000		1.120.000	1. gia hạn do ở cùng phòng F0 trong khu cách ly'; 2. Đã hỗ trợ F0 đợt 23
57	Nguyễn Văn Long	1978		Đak La -Đak Nhau - Bù Đăng	13/11/2021	26/11/2021	14	1.120.000		1.120.000	đã hỗ trợ F0 đợt 23
58	Điểu Long	1992		Đak La -Đak Nhau - Bù Đăng	13/11/2021	29/11/2021	17	1.360.000		1.360.000	1. gia hạn do ở cùng phòng F0 trong khu cách ly'; 2. Đã hỗ trợ F0 đợt 25
59	Lưu Văn Trường	1978		Đak Xuyên - Đak Nhau - Bù Đăng	13/11/2021	21/11/2021	9	720.000		720.000	
60	Lưu Phương Nam	2002		Đak Xuyên - Đak Nhau - Bù Đăng	13/11/2021	21/11/2021	9	720.000		720.000	
61	Phạm Văn Hải	1968		Đak Xuyên - Đak Nhau - Bù Đăng	13/11/2021	22/11/2021	10	800.000		800.000	
62	Vũ Quang Lực	1970		Đăng Lang -Đak Nhau - Bù Đăng	13/11/2021	25/11/2021	13	1.040.000		1.040.000	đã hỗ trợ F0 đợt 23
63	Điểu Vóc	1962		Đak La -Đak Nhau - Bù Đăng	13/11/2021	25/11/2021	13	1.040.000		1.040.000	
64	Hứa Thị Hoài An		1999	Đak Wí -Đak Nhau - Bù Đăng	13/11/2021	23/11/2021	11	880.000		880.000	
65	Trần Văn Hoài	1977		Đak Nung- Đak Nhau - Bù Đăng	13/11/2021	22/11/2021	10	800.000		800.000	

66	Lê Thị Mến		1972	Bù Ghe - Đak Nhau - Bù Đăng	13/11/2021	21/11/2021	9	720.000		720.000	
67	Lương Văn Vui	1978		Thống Nhất -Đak Nhau - Bù Đăng	13/11/2021	25/11/2021	13	1.040.000		1.040.000	
68	Phạm Văn Đạt	1984		Đak Xuyên - Đak Nhau - Bù Đăng	13/11/2021	21/11/2021	9	720.000		720.000	
69	Nguyễn Tiến Đam	1948		Thôn 6 - Đức Liễu - Bù Đăng	14/11/2021	24/11/2021	11	880.000		880.000	
70	Lý Văn Thuật	1990		Thôn 6 - Đức Liễu - Bù Đăng	14/11/2021	23/11/2021	10	800.000		800.000	
71	Đặng Tô Hoài	1966		Thôn Bình Hòa- Nghĩa Bình - Bù Đăng	13/11/2021	24/11/2021	12	960.000		960.000	
72	Hồ Nhựt Duy	1995		Thôn 2 - Đức Liễu - Bù Đăng	14/11/2021	01/12/2021	18	1.440.000		1.440.000	gia hạn do ở cùng phòng F0 trong khu cách ly
73	Vũ Thị Duyến		1969	Thôn 2 - Đức Liễu - Bù Đăng	14/11/2021	25/11/2021	12	960.000		960.000	
74	Trịnh Thị Kim Ánh		1972	Thôn 2 - Đức Liễu - Bù Đăng	14/11/2021	19/11/2021	6	480.000		480.000	
75	Nguyễn Thị Hải Lý		1992	Thôn 2 - Đức Liễu - Bù Đăng	14/11/2021	25/11/2021	12	960.000		960.000	
76	Đoàn Thị Mỹ Duyên		2002	Thôn 2 - Đức Liễu - Bù Đăng	14/11/2021	16/11/2021	3	240.000		240.000	đã hỗ trợ F0 đợt 21
77	Lê Ngọc Minh	1955		Thôn 2 - Đức Liễu - Bù Đăng	14/11/2021	27/11/2021	14	1.120.000		1.120.000	
78	Nguyễn Thị Phượng		1977	Thôn 2 - Đức Liễu - Bù Đăng	14/11/2021	26/11/2021	13	1.040.000		1.040.000	
79	Nguyễn Thị Ngọc Hoa		1973	Thôn 2 - Đức Liễu - Bù Đăng	14/11/2021	25/11/2021	12	960.000		960.000	
80	Đặng Thị Xuyên		1956	Thôn 2 - Đức Liễu - Bù Đăng	14/11/2021	01/12/2021	18	1.440.000		1.440.000	gia hạn do ở cùng phòng F0 trong khu cách ly
81	Đàm Văn Hoạt	1987		Đak Wí - Đak Nhau - Bù Đăng	16/11/2021	27/11/2021	12	960.000		960.000	gia hạn do ở cùng phòng F0 trong khu cách ly'

82	Ngô Thế Hoài	1992		Thôn 2 - Bình Minh - Bù Đăng	17/11/2021	04/12/2021	18	1.440.000		1.440.000	gia hạn do ở cùng phòng F0 trong khu cách ly'
83	Nguyễn Quốc Nam	1981		Thôn 4 - Minh Hưng- Bù Đăng	23/11/2021	01/12/2021	9	720.000		720.000	
84	Lê Hồng Hạ	1986		Thôn 4- Minh Hưng - Bù Đăng	23/11/2021	01/12/2021	9	720.000		720.000	
85	Nguyễn Thành Công	1999		Thôn 6 - Minh Hưng - Bù Đăng	23/11/2021	02/12/2021	10	800.000		800.000	
86	Đỗ Văn Thực	1990		Thôn 4 - Minh Hưng - Bù Đăng	23/11/2021	30/11/2021	8	640.000		640.000	
87	Điểu Dương	1996		Thôn 12 - Thống Nhất - Bù Đăng	27/11/2021	28/11/2021	2	160.000		160.000	đã hỗ trợ F0 đợt 24
88	Lê Đức Hoàng	2002		Thôn 2 -Thống Nhất - Bù Đăng	27/11/2021	04/12/2021	8	640.000		640.000	từ ngày 05/12-12/12/2021 chuyển về nhà cách ly theo QĐ 5618/QĐ-BCĐ ngày 05/12/2021
89	Trần Thị Hoa	1976		Thôn 2 -Thống Nhất - Bù Đăng	27/11/2021	04/12/2021	8	640.000		640.000	từ ngày 05/12-12/12/2021 chuyển về nhà cách ly theo QĐ 5619/QĐ-BCĐ ngày 05/12/2021
90	Thị Ai		1965	Thôn 6 - Phước Sơn - Bù Đăng	27/11/2021	03/12/2021	7	560.000		560.000	
91	Điểu Thị Pốt		1968	Thôn 6 - Phước Sơn - Bù Đăng	27/11/2021	03/12/2021	7	560.000		560.000	
92	Hoàng Minh Phương	1987		Thôn 9- Đức Liễu - Bù Đăng	27/11/2021	09/12/2021	13	1.040.000		1.040.000	
93	Điểu Khăm	1991		Thôn 9- Đức Liễu - Bù Đăng	27/11/2021	09/12/2021	13	1.040.000		1.040.000	
94	Vi Thị Bích	1967		Thôn 9- Đức Liễu - Bù Đăng	27/11/2021	06/12/2021	10	800.000		800.000	

95	Phạm Thị Hiền		1989	Thôn 9- Đức Liễu - Bù Đăng	27/11/2021	05/12/2021	9	720.000		720.000	
96	Nguyễn Thị Nga		1967	Thôn 9- Đức Liễu - Bù Đăng	27/11/2021	03/12/2021	7	560.000		560.000	
97	Phan Phụng Hiền	1976		Thôn 6 - Đức Liễu - Bù Đăng	27/11/2021	05/12/2021	9	720.000		720.000	
98	Điểu Văn Bưng	1971		Thôn 12 - Thống Nhất - Bù Đăng	28/11/2021	06/12/2021	9	720.000		720.000	đã hỗ trợ F0 đợt 26
99	Điểu Hùng	2003		Thôn 12 - Thống Nhất - Bù Đăng	28/11/2021	18/12/2021	21	1.680.000		1.680.000	1. Gia hạn do ở cùng phòng F0 trong khu cách ly 2. thời gian cách ly: Trường THCS Bình Minh từ 28/11-08/12/2021; trường Tiểu học Bom Bo từ 09/12-20/12/2021.
100	Điểu Thị Den		1972	Thôn 6 - Phước Sơn - Bù Đăng	28/11/2021	29/11/2021	2	160.000		160.000	đã hỗ trợ F0 đợt 25
101	Điểu Khiết	1967		Thôn 6 - Phước Sơn - Bù Đăng	28/11/2021	30/11/2021	3	240.000		240.000	đã hỗ trợ F0 đợt 25
102	Điểu Phúc	1996		Thôn 6 - Phước Sơn - Bù Đăng	28/11/2021	30/11/2021	3	240.000		240.000	đã hỗ trợ F0 đợt 24
103	Phùng Cao Phúc	1996		Thôn 7 - Phước Sơn - Bù Đăng	28/11/2021	09/12/2021	12	960.000		960.000	
104	Phan Quyết Định	2002		Thôn 7 - Bình Minh - Bù Đăng	30/11/2021	08/12/2021	9	720.000		720.000	
B	**TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THỐNG NHẤT 69 NGƯỜI**						**1.050**	**84.000.000**	**0**	**84.000.000**	
1	Điểu Krang	1977		Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	21/11/2021	03/12/2021	13	1.040.000		1.040.000	
2	Điểu Thị Chuốc		1978	Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	21/11/2021	03/12/2021	13	1.040.000		1.040.000	

3	Điểu Linh	8/2005		Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	21/11/2021	03/12/2021	13	1.040.000		1.040.000	
4	Điểu Bình	2000		Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	21/11/2021	03/12/2021	13	1.040.000		1.040.000	
5	Võ Minh Đường	1987		Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	21/11/2021	03/12/2021	13	1.040.000		1.040.000	
6	Võ Văn Sơn	1978		Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	21/11/2021	03/12/2021	13	1.040.000		1.040.000	
7	Điểu Dơi	1986		Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	21/11/2021	03/12/2021	13	1.040.000		1.040.000	
8	Võ Văn Khuê	1962		Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	21/11/2021	03/12/2021	13	1.040.000		1.040.000	
9	Điểu Bảo	1987		Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	21/11/2021	03/12/2021	13	1.040.000		1.040.000	
10	Lê Tuấn Nhàn	1985		Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	21/11/2021	03/12/2021	13	1.040.000		1.040.000	
11	Điểu Thị Ung		1986	Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	21/11/2021	03/12/2021	13	1.040.000		1.040.000	
12	Lê Thị Kim Anh		1973	Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	21/11/2021	12/12/2021	21	1.680.000		1.680.000	gia hạn do ở cùng phòng F0 trong KCL
13	Nguyễn Thị Loan		1972	Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	21/11/2021	12/12/2021	21	1.680.000		1.680.000	gia hạn do ở cùng phòng F0 trong KCL
14	Đặng Thanh Thái	1987		Thôn 6, Thống nhất, Bù Đăng	21/11/2021	12/12/2021	21	1.680.000		1.680.000	gia hạn do ở cùng phòng F0 trong KCL
15	Nguyễn Tấn Tài	1979		Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	21/11/2021	12/12/2021	21	1.680.000		1.680.000	gia hạn do ở cùng phòng F0 trong KCL
16	Điểu Năm	1998		Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	21/11/2021	12/12/2021	21	1.680.000		1.680.000	gia hạn do ở cùng phòng F0 trong KCL
17	Trần Văn Hỗ	1982		Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	21/11/2021	12/12/2021	21	1.680.000		1.680.000	gia hạn do ở cùng phòng F0 trong KCL

18	Lê Thanh Sơn	1981		Thôn 3, Thống nhất, Bù Đăng	21/11/2021	04/12/2021	14	1.120.000		1.120.000	
19	Nguyễn Thị Tường Vi		1991	Thôn 3, Thống nhất, Bù Đăng	21/11/2021	04/12/2021	14	1.120.000		1.120.000	
20	Lê Thị Nở		1971	Thôn 3, Thống nhất, Bù Đăng	21/11/2021	04/12/2021	14	1.120.000		1.120.000	
21	Nguyễn Thị Thu Oanh		1974	Thôn 3, Thống nhất, Bù Đăng	21/11/2021	04/12/2021	14	1.120.000		1.120.000	
22	Nguyễn Thị Kim Tuyến		1966	Thôn 3, Thống nhất, Bù Đăng	21/11/2021	04/12/2021	14	1.120.000		1.120.000	
23	Dương Văn Thanh	1969		Thôn 4, Thống nhất, Bù Đăng	21/11/2021	04/12/2021	14	1.120.000		1.120.000	
24	Nguyễn Ngọc Phi Long	2000		Thôn 3, Thống nhất, Bù Đăng	21/11/2021	04/12/2021	14	1.120.000		1.120.000	
25	Điểu Liên		1965	Thôn 6, Thống nhất, Bù Đăng	21/11/2021	12/12/2021	21	1.680.000		1.680.000	gia hạn do ở cùng phòng F0 trong KCL
26	Điểu Thị Liên		1996	Thôn 6, Thống nhất, Bù Đăng	21/11/2021	12/12/2021	21	1.680.000		1.680.000	gia hạn do ở cùng phòng F0 trong KCL
27	Điểu Chớ	2001		Thôn 6, Thống nhất, Bù Đăng	21/11/2021	12/12/2021	21	1.680.000		1.680.000	gia hạn do ở cùng phòng F0 trong KCL
28	Điểu Thị Bút		1995	Thôn 6, Thống nhất, Bù Đăng	21/11/2021	12/12/2021	21	1.680.000		1.680.000	gia hạn do ở cùng phòng F0 trong KCL
29	Điểu Thị Bé		1998	Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	22/11/2021	04/12/2021	13	1.040.000		1.040.000	
30	Điểu Thị Gim		2002	Thôn 6, Thống nhất, Bù Đăng	21/11/2021	12/12/2021	21	1.680.000		1.680.000	gia hạn do ở cùng phòng F0 trong KCL
31	Điểu Dũng	1995		Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	22/11/2021	05/12/2021	14	1.120.000		1.120.000	
32	Điểu Cam	8/2005		Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	22/11/2021	05/12/2021	14	1.120.000		1.120.000	

33	Điểu Hải	1998		Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	22/11/2021	05/12/2021	14	1.120.000		1.120.000	
34	Điểu Thị Thi		1994	Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	22/11/2021	05/12/2021	14	1.120.000		1.120.000	
35	Thị Bé		1997	Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	22/11/2021	05/12/2021	14	1.120.000		1.120.000	
36	Điểu Thị Ái		1976	Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	22/11/2021	05/12/2021	14	1.120.000		1.120.000	
37	Điểu Nga	1967		Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	22/11/2021	05/12/2021	14	1.120.000		1.120.000	
38	Phạm Thị Ly		1979	Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	22/11/2021	05/12/2021	14	1.120.000		1.120.000	
39	Điểu Thị Ú		1980	Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	22/11/2021	05/12/2021	14	1.120.000		1.120.000	
40	Điểu Thị Sa Ranh		1955	Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	22/11/2021	05/12/2021	14	1.120.000		1.120.000	
41	Ngô Thị Phê		1966	Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	22/11/2021	05/12/2021	14	1.120.000		1.120.000	
42	Nguyễn Thị Thưởng		1980	Thôn 6, Thống nhất, Bù Đăng	22/11/2021	05/12/2021	14	1.120.000		1.120.000	
43	Điểu Thị Lanh		1974	Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	22/11/2021	05/12/2021	14	1.120.000		1.120.000	
44	Điểu Thị Quí		1986	Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	22/11/2021	05/12/2021	14	1.120.000		1.120.000	
45	Điểu Trọng	2004		Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	22/11/2021	05/12/2021	14	1.120.000		1.120.000	
46	Điểu Gơn	1978		Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	22/11/2021	05/12/2021	14	1.120.000		1.120.000	
47	Điểu Bó	1994		Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	22/11/2021	05/12/2021	14	1.120.000		1.120.000	
48	Điểu Trang	1977		Thôn 6, Thống nhất, Bù Đăng	22/11/2021	05/12/2021	14	1.120.000		1.120.000	

49	Đào Thị Dệt		1966	Thôn 11, Thống nhất, Bù Đăng	22/11/2021	05/12/2021	14	1.120.000		1.120.000	
50	Nguyễn Văn Dĩnh	1966		Thôn 11, Thống nhất, Bù Đăng	22/11/2021	05/12/2021	14	1.120.000		1.120.000	
51	Đào Văn Từ	1961		Thôn 11, Thống nhất, Bù Đăng	22/11/2021	05/12/2021	14	1.120.000		1.120.000	
52	Trần Đức Tiến	2001		Thôn 9, Thống nhất, Bù Đăng	28/11/2021	09/12/2021	12	960.000		960.000	
53	Hoàng Thưởng	1988		Tổ 1, P. Hương Chữ, TX. Hương Trà, Thừa Thiên -Huế	26/11/2021	09/12/2021	14	1.120.000		1.120.000	
54	K Hải	1981		Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	22/11/2021	13/12/2021	21	1.680.000		1.680.000	gia hạn do ở cùng phòng với F0 trong KCL
55	Điểu Thuận	1978		Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	22/11/2021	13/12/2021	21	1.680.000		1.680.000	gia hạn do ở cùng phòng với F0 trong KCL
56	Điểu Hùng	1996		Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	22/11/2021	13/12/2021	21	1.680.000		1.680.000	gia hạn do ở cùng phòng với F0 trong KCL
57	Điểu Nghĩa	2001		Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	22/11/2021	13/12/2021	21	1.680.000		1.680.000	gia hạn do ở cùng phòng với F0 trong KCL
58	Lê Đình Cường	1974		Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	21/11/2021	12/12/2021	21	1.680.000		1.680.000	gia hạn do ở cùng phòng với F0 trong KCL
59	Điểu Bim	1991		Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	21/11/2021	12/12/2021	21	1.680.000		1.680.000	gia hạn do ở cùng phòng với F0 trong KCL
60	Điểu Thị Tút		1950	Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	22/11/2021	16/12/2021	21	1.680.000		1.680.000	gia hạn do ở cùng phòng với F0 trong KCL
61	Điểu Thị Ninh		'8/2005	Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	22/11/2021	16/12/2021	21	1.680.000		1.680.000	gia hạn do ở cùng phòng với F0 trong KCL
62	Trịnh Xuân Tuy	1990		Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	02/12/2021	15/12/2021	14	1.120.000		1.120.000	

63	Điểu Gang	1980		Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	22/11/2021	05/12/2021	14	1.120.000		1.120.000	
64	Điểu Giang	1979		Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	21/11/2021	28/11/2021	8	640.000		640.000	đã hỗ trợ F0 đợt 24
65	Điểu Búp	1971		Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	21/11/2021	27/11/2021	7	560.000		560.000	đã hỗ trợ tiền ăn F0 đợt 27
66	Điểu Thị Nga		2000	Thôn 6, Thống nhất, Bù Đăng	21/11/2021	28/11/2021	8	640.000		640.000	đã hỗ trợ F0 đợt 24
67	Nguyễn Văn Thảo	1982		Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	22/11/2021	29/11/2021	8	640.000		640.000	đã hỗ trợ tiền ăn F0 đợt 27
68	Điểu Thị Yến		2003	Thôn 11, Thống nhất, Bù Đăng	04/12/2021	12/12/2021	9	720.000		720.000	đã hỗ trợ tiền ăn F0 đợt 28
69	Điểu Thị Dung		1985	Thôn 11, Thống nhất, Bù Đăng	04/12/2021	12/12/2021	9	720.000		720.000	đã hỗ trợ tiền ăn F0 đợt 28
II	**DANH SÁCH TRẺ EM: 38 NGƯỜI**						**402**	**32.160.000**	**30.000.000**	**62.160.000**	
A	**TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ BÌNH MINH 27 NGƯỜI**						**244**	**19.520.000**	**21.000.000**	**40.520.000**	
1	Điểu Dũng	27/12/ 2006		Thôn Thống Nhất- Đak Nhau - Bù Đăng	12/11/2021	23/11/2021	12	960.000	1.000.000	1.960.000	
2	Nguyễn Hữu Thành	24/5 /2007		Thôn 4 - Bình Minh - Bù Đăng	13/11/2021	21/11/2021	9	720.000	1.000.000	1.720.000	
3	Nguyễn Thị Mai Hương		09/01 /2011	Thôn 4 - Bình Minh - Bù Đăng	13/11/2021	21/11/2021	9	720.000	1.000.000	1.720.000	
4	Điểu Đăng Khải	10/8 /2011		Đak La -Đak Nhau - Bù Đăng	13/11/2021	13/11/2021	1	80.000		80.000	Đã hỗ trợ F0 đợt 21
5	Điểu Thị Xuyên		20/11 /2010	Đak La -Đak Nhau - Bù Đăng	13/11/2021	25/11/2021	13	1.040.000	1.000.000	2.040.000	
6	Điểu Thị Trúc		27/11 /2008	Đak La -Đak Nhau - Bù Đăng	13/11/2021	25/11/2021	13	1.040.000	1.000.000	2.040.000	
7	Điểu Thị Luyên		28/3 /2006	Đak La -Đak Nhau - Bù Đăng	13/11/2021	25/11/2021	13	1.040.000	1.000.000	2.040.000	

8	Lê Minh Triết	2012		Thôn 4- Minh Hưng - Bù Đăng	23/11/2021	01/12/2021	9	720.000	1.000.000	1.720.000	
9	Lê Minh Vy	2015		Thôn 4- Minh Hưng - Bù Đăng	23/11/2021	01/12/2021	9	720.000	1.000.000	1.720.000	
10	Phạm Thị Như Quỳnh	09/10/ 2006		Thôn 6- Minh Hưng - Bù Đăng	23/11/2021	29/11/2021	7	560.000	1.000.000	1.560.000	
11	Phan Đức Mạnh	30/01 /2006		Thôn 4- Minh Hưng - Bù Đăng	23/11/2021	28/11/2021	6	480.000	1.000.000	1.480.000	
12	Nguyễn Thị Duyên	11/6 /2006		Thôn 4- Minh Hưng - Bù Đăng	23/11/2021	29/11/2021	7	560.000	1.000.000	1.560.000	
13	Nguyễn Thị Hoàng Trâm	20/7/ 2006		Thôn 6- Minh Hưng - Bù Đăng	23/11/2021	28/11/2021	6	480.000	1.000.000	1.480.000	
14	Điểu Cương	2008		Thôn12 -Thống Nhất - Bù Đăng	27/11/2021	28/11/2021	2	160.000		160.000	đã hỗ trợ F0 đợt 24
15	Điểu Gia Vỹ	09/02/2018		Thôn12 -Thống Nhất - Bù Đăng	27/11/2021	27/11/2021	1	80.000		80.000	đã hỗ trợ F0 đợt 24
16	Lê Bảo Ngọc		05/3 /2019	Thôn 2 -Thống Nhất - Bù Đăng	27/11/2021	04/12/2021	8	640.000	1.000.000	1.640.000	
17	Hoàng Minh Khôi	05/8/ 2008		Thôn 9- Đức Liễu - Bù Đăng	27/11/2021	06/12/2021	10	800.000	1.000.000	1.800.000	
18	Hoàng Thảo nguyên		04/8 /2014	Thôn 9- Đức Liễu - Bù Đăng	27/11/2021	06/12/2021	10	800.000	1.000.000	1.800.000	
19	Điểu Thị Hạnh		20/5/ 2006	Thôn 12 - Thống Nhất - Bù Đăng	28/11/2021	18/12/2021	21	1.680.000	1.000.000	2.680.000	1. gia hạn do ở cùng FO trong KCL 2. Tại trường THCS Bình Minh từ 28/11/-08/12/2021, trường Tiểu học Bom Bo từ 09/12-20/12/2021

20	Điểu Hiền	15/7/ 2014		Thôn 12 - Thống Nhất - Bù Đăng	28/11/2021	18/12/2021	21	1.680.000	1.000.000	2.680.000	1. gia hạn do ở cùng FO trong KCL 2. Tại trường THCS Bình Minh từ 28/11/-08/12/2021, trường Tiểu học Bom Bo từ 09/12-20/12/2021
21	Điểu Thị Oanh		15/10 /2008	Thôn 12 - Thống Nhất - Bù Đăng	28/11/2021	18/12/2021	21	1.680.000	1.000.000	2.680.000	1. gia hạn do ở cùng FO trong KCL 2. Tại trường THCS Bình Minh từ 28/11/-08/12/2021, trường Tiểu học Bom Bo từ 09/12-20/12/2021
22	Điểu Thị Hà		05/5 /2013	Thôn 12 - Thống Nhất - Bù Đăng	28/11/2021	18/12/2021	21	1.680.000	1.000.000	2.680.000	1. gia hạn do ở cùng FO trong KCL 2. Tại trường THCS Bình Minh từ 28/11/-08/12/2021, trường Tiểu học Bom Bo từ 09/12-20/12/2021
23	Điểu Tí	14/12 /2007		Thôn 6 - Phước Sơn - Bù Đăng	28/11/2021	29/11/2021	2	160.000		160.000	đã hỗ trợ F0 đợt 25
24	Điểu Thị BảoTrang		11/8 /2014	Thôn 6 - Phước Sơn - Bù Đăng	28/11/2021	30/11/2021	3	240.000	1.000.000	1.240.000	
25	Điểu Gia Tèo	28/3 /2010		Thôn 6 - Phước Sơn - Bù Đăng	28/11/2021	29/11/2021	2	160.000		160.000	đã hỗ trợ F0 đợt 24
26	Điểu Gia Phú	28/3 /2018		Thôn 6 - Phước Sơn - Bù Đăng	28/11/2021	29/11/2021	2	160.000		160.000	đã hỗ trợ F0 đợt 25
27	Trần Thị Thảo Vân		14/3/ 2006	Thôn 8 - Bình Minh - Bù Đăng	30/11/2021	05/12/2021	6	480.000	1.000.000	1.480.000	

B	**TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG THỐNG NHẤT 11 NGƯỜI**						**158**	**12.640.000**	**9.000.000**	**21.640.000**	
1	Điểu Nam	2014		Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	22/11/2021	05/12/2021	14	1.120.000	1.000.000	2.120.000	
2	Điểu Thị Mỹ Chi		2021	Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	22/11/2021	05/12/2021	14	1.120.000	1.000.000	2.120.000	
3	Điểu Thị Hà My		2017	Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	22/11/2021	05/12/2021	14	1.120.000	1.000.000	2.120.000	
4	Điểu Gia Phan	2019		Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	22/11/2021	05/12/2021	14	1.120.000	1.000.000	2.120.000	
5	Điểu Thị Kim Phượng		2017	Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	22/11/2021	05/12/2021	14	1.120.000	1.000.000	2.120.000	
6	Điểu Duy	2011		Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	22/11/2021	05/12/2021	14	1.120.000	1.000.000	2.120.000	
7	Điểu Hiền	2010		Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	22/11/2021	05/12/2021	14	1.120.000	1.000.000	2.120.000	
8	Điểu Thị Ngọc Suyên		2009	Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	22/11/2021	29/11/2021	8	640.000		640.000	đã hỗ trợ F0 đợt 27
9	Điểu Minh Hoan	2013		Thôn 12, Thống nhất, Bù Đăng	22/11/2021	01/12/2021	10	800.000		800.000	đã hỗ trợ F0 đợt 25
10	Điểu Chiến	2021		Thôn 6, Thống nhất, Bù Đăng	21/11/2021	12/12/2021	21	1.680.000	1.000.000	2.680.000	gia hạn do ở cùng phòng F0 trong KCL
11	Điểu Thị The		2018	Thôn 6, Thống nhất, Bù Đăng	21/11/2021	12/12/2021	21	1.680.000	1.000.000	2.680.000	gia hạn do ở cùng phòng F0 trong KCL
III	**DANH SÁCH NGƯỜI CAO TUỔI LÀ F1**						**1**	**80.000**	**0**	**80.000**	
1	Trịnh Thị Hằng		1930	Thôn 2 -Thống Nhất - Bù Đăng	27/11/2021	27/11/2021	1	80.000		80.000	Đã hưởng F0 đợt 25 từ 28/11-15/12/2021 theo QĐ 94/QĐ-UBND ngày 14/01/2022
Tổng cộng: 212 người Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi triệu, hai trăm bốn mươi ngàn đồng./.							**2.628**	**210.240.000**	**30.000.000**	**240.240.000**	